

QUÁ TRÌNH TÁI LẬP CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG B2 TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC GIAI ĐOẠN 1954 - 1960

Trần Thị Huyền
Học viện Hàng không Việt Nam
Email: huyentt@vaa.edu.vn

Tóm tắt: Kế thừa những thành quả và kinh nghiệm xây dựng căn cứ địa trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1945-1954, bước sang những năm 1954 - 1960, căn cứ địa trên chiến trường B2 từng bước được khôi phục, tái lập và phát triển làm chỗ đứng chân, xây dựng tiềm lực về mọi mặt, trở thành hậu phương tại chỗ, góp phần làm thay đổi cục diện của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Từ khóa: Căn cứ địa, chiến trường B2, kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Nhận bài: 24/2/2025; Biên tập: 25/2/2025; Phản biện: 26/2/2025; Duyệt đăng: 28/2/2025.

1. Mở đầu

Căn cứ địa với tất cả các hoạt động của nó đã giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến tranh chống xâm lược, là nhân tố không thể thiếu, góp phần làm nên biết bao thắng lợi của dân tộc ta trong lịch sử. Hệ thống căn cứ địa Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ cùng với hệ thống căn cứ địa cả nước đã phát huy vai trò to lớn đưa đến thắng lợi cuối cùng là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ buộc Pháp phải ký hiệp định Giơnevơ (21-7-1954) công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Theo quy định của Hiệp định, tại Việt Nam, hai bên sẽ thực hiện ngừng bắn lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời, toàn bộ lực lượng vũ trang của ta thực hiện tập kết chuyển quân ra Bắc trong thời hạn từ 80 đến 300 ngày. Việt Nam sẽ thực hiện tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước vào tháng 7/1956.

2. Nội dung

2.1. Quá trình giữ gìn, phục hồi hệ thống căn cứ địa 1954 - 1956

Sau hiệp định Giơnevơ, Pháp đã thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, buộc phải rút vào miền Nam (từ vĩ tuyến 17 trở vào) và rút dần quân đội về nước. Song đế quốc Mỹ tìm mọi cách thay chân Pháp, lấn Pháp từng bước nắm quyền thống trị miền Nam Việt Nam bởi: "Cộng sản kiểm soát toàn bộ Đông Nam Á sẽ làm cho vị trí của Mỹ ở cái mắt xích gồm các đảo ngoài khơi Thái Bình Dương trở lên mong manh và sẽ phá hỏng nghiêm trọng lợi ích an ninh cơ bản của Mỹ ở Viễn Đông". Mỹ đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống, thiết lập bộ máy quyền lực tay sai thân Mỹ hợp hiến, hợp pháp từ Trung ương đến địa phương. Ngày 23/10/1955 chính quyền Diệm tổ chức "trung cầu dân ý", gạt bỏ hoàn toàn chính quyền Pháp và chính quyền Bảo Đại ra khỏi miền Nam. Ngày 29/10/1955 thành lập Chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Mỹ ra sức cải tổ quân đội, xây dựng đội quân nguy mạnh và hiện đại, tiến hành cải cách điền

địa, xây dựng tầng lớp tay sai, sử dụng viện trợ và cố vấn làm đòn bẩy thực hiện mục tiêu mà Mỹ lập luận trong Hội đồng an ninh quốc gia số 5621/1 và 5/9/1956: "Giúp đỡ nước Việt Nam tự do phát triển một chính phủ hợp hiến, ổn định và hùng mạnh, để có thể khẳng định sự tương phản ngày càng hấp dẫn so với các điều kiện trong khu vực hiện nay của cộng sản, tiến tới làm suy yếu cộng sản ở miền Bắc cũng như miền Nam Việt Nam để cuối cùng đi đến thống nhất, bằng phương pháp hòa bình, thành một nước Việt Nam tự do và độc lập dưới sự lãnh đạo chống cộng sản". Nước Việt Nam cộng hòa ra đời, trở thành một nhà nước lệ thuộc Mỹ, đặt miền Nam dưới ách thống trị thực dân kiểu mới của Mĩ. Ngày 16/7/1955 Ngô Đình Diệm công khai tuyên bố không cho hiệp thương tổng tuyển cử. Những hành động của Mỹ - Diệm đã đơn phương xé bỏ hiệp định Giơnevơ và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam về tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Để loại trừ ảnh hưởng của cộng sản, ngay từ khi bộ đội ta thực hiện chuyển quân, Diệm thẳng tay đàn áp nhân dân vùng căn cứ kháng chiến và triển khai kế hoạch quy mô, dài ngày nhằm triệt phá các căn cứ cách mạng. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thành lập các căn cứ quân sự mạnh, chia nhỏ các đơn vị hành chính để bao vây, uy hiếp, khống chế quần chúng và tạo bàn đạp đánh vào các vùng căn cứ. Tháng 10/1954 toàn bộ Sư đoàn 13 nguy được đưa lên trấn giữ Tây Ninh, tiếp giáp căn cứ Khu B, xây dựng đường xá, đồn bốt sâu trong căn cứ Dương Minh Châu, tổ chức chiếm đóng Đồng Tháp Mười ngay khi đơn vị cuối cùng của bộ đội lên tàu ra Bắc.

Những thủ đoạn tàn ác của Mỹ - Diệm đã biến những năm sau hiệp định hòa bình Giơnevơ là những ngày tháng khó khăn đối với cách mạng miền Nam, trong đó có các vùng căn cứ địa. Trước khi ký hiệp định, từ ngày 15 đến 18/5/1954, tại hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng về chuyển hướng công tác miền Nam xác định: "Hướng của ta là củng cố cơ sở ở những vùng căn cứ cũ, dựa vào những vùng đó mà phát triển vào

những nơi trung tâm chính trị, kinh tế và những nơi có tính chất quan trọng về mặt quân sự. Tiếp tục củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa làm chỗ dựa. Nhưng sau khi ta kí hiệp định Giơnevơ, chủ trương nhất quán của Trung ương Đảng là đấu tranh chính trị hòa bình nhằm thống nhất nước nhà theo đúng tinh thần hiệp định. Ngày 22/7/1954 lực lượng vũ trang thực hiện ngừng bắn theo mệnh lệnh của Bộ tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam. Từ ngày 11/8/1954 từ Nam Bộ đến cực Nam Trung Bộ, quân và dân ta ngừng tiến công. Ngày 6/9/1954, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã họp và chủ trương tất cả các cấp đều phải thi hành triệt để hiệp định đình chiến. Thực hiện chuyển quân ra Bắc theo tinh thần của hiệp định. Đến tháng 10/1954 đơn vị bộ đội cuối cùng di chuyển ra Bắc. Xác định được kẻ thù mới là Mỹ và bè lũ tay sai, Đảng đã bí mật giữ lại một lực lượng mỏng và chôn giấu lại vũ khí để chuẩn bị cho những tình huống sau này. Số cán bộ, chiến sĩ ở lại tiếp tục bám trụ, đứng chân ít ỏi tại căn cứ địa cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, nhưng phạm vi dần bị thu hẹp.

Trước hành động phá hoại của Mỹ - Diệm, Lê Duẩn bí thư Xứ ủy Nam Bộ đã dự đoán về những diễn biến của tình hình và những thử thách cam go nhằm vào căn cứ địa: *“Địch sẽ cho quân đội đi ruồng bố, tàn phá các khu căn cứ cũ, sẽ tàn sát, trả thù, khủng bố nhân dân, những người kháng chiến. Chúng sẽ lũng đoạn, tìm tòi, đánh phá nhằm triệt tiêu cơ quan của Đảng ta... Cách mạng miền Nam từ chỗ có chính quyền, có quân đội trong tay, nay chính quyền, quân đội đã chuyển ra miền Bắc. Tình hình miền Nam sẽ vô cùng phức tạp, khó khăn...”*. Đến tháng 9/1954, Bộ Chính trị đã xác định phải *“giữ lấy quyền lợi của quần chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, nhất là ở những vùng căn cứ địa và vùng du kích cũ của ta”*. Sau hai năm kiên trì, đến tháng 6/1956 Bộ Chính trị vẫn xác định đấu tranh chính trị nhưng đã cho phép *“củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ làm chỗ dựa”* làm cơ sở cho việc khôi phục căn cứ địa ở B2.

Tại miền Đông Nam Bộ, chấp hành điều khoản hiệp định, từ các chiến khu và căn cứ, bộ đội cấp tốc hành quân về Xuyên Mộc ra bến Hàm Tân lên tàu tập kết ra Bắc. Trước tình thế khó khăn, đảng viên, cán bộ, du kích trở về cùng dân sinh sống. Khu ủy chủ trương bám căn cứ rừng núi, sản xuất tự túc đảm bảo lương thực và gắn việc xây dựng căn cứ địa với việc tổ chức lực lượng vũ trang. Cuối năm 1955, khi Diệm thanh trừng Bình Xuyên, Xứ ủy đưa binh lính, sĩ quan và gia đình Bình Xuyên cất rừng hành quân về chiến khu Đ, lập căn cứ ở Suối Lành (Mã Đà), tổ chức ra 4 khu vực sản xuất để tự túc lương thực, tổ chức tấn công địch với danh nghĩa giáo phái Bình Xuyên để lấy vũ khí trang bị. Khi Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu càn quét căn cứ trong 4 tháng, cán bộ, chiến sĩ đã dựa vào rừng núi, lánh vào các Phum, Sóc của đồng bào làm địa bàn hoạt động, trở thành lực

lượng vũ trang nhem nhóm cho các chiến khu.

Tại miền Trung Nam Bộ, khi Diệm truy lùng lực lượng liên quan cách mạng thì cán bộ, người kháng chiến cũ và gia đình người đi tập kết ra Bắc lánh vào Đồng Tháp Mười và tự tổ chức phòng ngự. Họ lập nhiều khu vực gọi là “địa bàn căn cứ phòng ngự” gồm có vòng ngoài là hệ thống báo động bằng dây dăng, gài lon và kíp nổ, vòng trong là hầm hố, chuồng rồ lựu đạn gài, nhờ đó mà địch không dám vào, bảo vệ được cán bộ và nhân dân căn cứ.

Tại miền Tây Nam Bộ, quá trình xây dựng và phát triển căn cứ địa diễn ra ngay khi ký hiệp định. Tranh thủ thời gian tập kết 200 ngày, khu ủy đã chỉ đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị nhanh chóng củng cố, xây dựng căn cứ mà chủ đạo là căn cứ U Minh về mọi mặt. Tỉnh Cà Mau và các xã như Khánh An, Nguyễn Phích, Khánh Lâm, Tân Hưng Tây (Bạc Liêu)... thực hiện chôn, giấu vũ khí, máy móc dụng cụ. Trong 6 tháng, ta đã có thêm 20 trường học được xây mới, dựng lại hàng trăm ngôi nhà đổ nát. Khi Diệm mở hai chiến dịch lớn là Đinh Tiên Hoàng và Nguyễn Huệ tiêu diệt lực lượng Hòa Hảo. Ta đã thu phục, cảm hóa đưa về căn cứ U Minh, sau một phần trở thành lực lượng cách mạng. Đến cuối năm 1955, về cơ bản ta đã khôi phục và thiết lập được những đường dây liên lạc, chi viện cho nhau giữa các căn cứ. Trong khi đó, năm 1955 Mỹ - Diệm thông qua kế hoạch bình định U Minh, mở các cuộc hành quân càn quét căn cứ nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và khủng bố tinh thần quần chúng, lôi kéo, dụ dỗ khiến ta bị tổn thất rất lớn. Tháng 8/1955 Xứ ủy giao nhiệm vụ xây dựng các lực lượng vũ trang tuyên truyền bí mật ở căn cứ U Minh, Năm Căn. Trong vòng 4 tháng (8 đến 12/1955) mở 3 lớp huấn luyện quân sự, tổ chức thành 2 trung đội đóng quân tại căn cứ. Đến cuối năm 1956, các trung đội phát triển thành 14 đại đội. Số vũ khí chôn, dấu được đào lên trang bị cho bộ đội và du kích. Một số công xưởng được phục hồi, sản xuất được vũ khí mới.

2.2. Quá trình tái lập, phát triển căn cứ địa 1957 - 1960

Sau hai năm, Mỹ - Diệm tiếp tục củng cố bộ máy và đội quân tay sai tập trung mọi nỗ lực đánh vào lực lượng cách mạng ở Nam Bộ. Từ 8/6/1956 đến 30/10/1956 mở chiến dịch Thoại Ngọc Hầu đánh phá phong trào cách mạng vùng Đồng Tháp Mười, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng. Từ 30/6/1956 đến 30/10/1956 mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh phá vùng Miền Đông Nam Bộ, biên giới Campuchia và một phần cực Nam Trung Bộ, trọng điểm là căn cứ Dương Minh Châu cơ quan đầu não kháng chiến chống Pháp. Năm 1958 mở CZ Nguyễn Trãi đánh các tỉnh miền Đông. Năm 1959 tấn công chiến khu Đ. Đồng thời, từ năm 1955, Diệm mở đầu chiến dịch “dùng cộng sản diệt cộng sản”, “dùng người kháng chiến diệt người kháng chiến”. Đến ngày 6/5/1959 ban hành Đạo luật 10/59 tấn công ồ ạt, vô điều kiện vào các lực

lượng cách mạng. Từ năm 1957 đến 1960 Mỹ - Diệm lập các khu dinh điền, khu trù mật chốt sâu vào vùng căn cứ kháng chiến cũ. Số dân di cư từ Bắc vào, bên cạnh việc bố trí vào các trục giao thông chiến lược, vành đai thành phố, chính quyền Diệm còn đưa vào vùng căn cứ cũ của ta để khống chế, chia rẽ nhân dân, cùng với việc dồn dân tại chỗ kèm kẹp theo sách lược “tắt nước bắt cá”, triệt để sử dụng chính sách tổ cộng diệt cộng, coi tiêu diệt lực lượng cách mạng là trọng tâm, xóa bỏ hoàn toàn các căn cứ cách mạng cũ của ta.

Về phía ta, đến tháng 8/1956, Lê Duẩn hoàn thành “Đề cương cách mạng ở miền Nam Việt Nam”. Theo tinh thần của Đề cương, Đảng bộ miền Nam đã có ý thức chuẩn bị lực lượng và khả năng vũ trang cách mạng. Khi Ngô Đình Diệm cơ bản đã thanh trừng các tổ chức Bình Xuyên, Hòa Hảo và Cao Đài Tây Ninh, Xứ ủy giúp lực lượng vũ trang của các nhóm này đứng chân ở Chiến khu Đ, Dương Minh Châu, Đồng Tháp Mười. Tại vùng căn cứ Rừng Sác, từ 12 chiến sĩ vượt ngục ở nhà giam Biên Hòa ra thành lập đại đội 12. Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ cử một số cán bộ thâm nhập được vài chục người mang danh Bình Xuyên, kéo về Đồng Tháp Mười. Cán bộ, đoàn viên, thanh niên tạm lánh vào các lùm căn cứ, tự tạo vũ khí, không có súng lấy khúc trâm bầu làm vũ khí, xây dựng căn cứ và tổ chức lực lượng vũ trang.

Tháng 12/1956 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 6 xác định: “*Con đường tất yếu của cách mạng miền Nam là bạo lực, chủ trương tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đội vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ rừng núi*”. Nghị quyết đã đánh dấu việc chính thức tái lập lực lượng vũ trang và các căn cứ địa kháng chiến ở miền Nam.

Từ đầu năm 1957, Xứ ủy Nam Bộ chủ trương củng cố, xây dựng các khu căn cứ kháng chiến. Các căn cứ địa cách mạng từng bước được củng cố mở rộng địa bàn đứng chân vững chắc cho các cơ quan đầu não kháng chiến của ta như chiến khu Đ, chiến khu Dương Minh Châu, Đồng Tháp Mười, Năm Căn, rừng Sác và nhiều căn cứ khác ở khu VI và Tây Nguyên...

Đến năm 1959, khi Diệm ban hành luật 10/59, Ban Bí thư yêu cầu ra sức xây dựng căn cứ cách mạng “*Nam Bộ có thể và cần phải xây dựng căn cứ địa cách mạng để đấu tranh lâu dài... Cần chú trọng xây dựng căn cứ ở miền Đông, đồng thời chú trọng xây dựng các căn cứ khác ở miền Tây và Trung Nam Bộ. Trong căn cứ địa phải đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang*”. Tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 xác định: “*con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân*”. Đây là cột mốc quan trọng, đáp ứng nguyện vọng bức thiết, tạo lên chuyển biến căn bản cho cách mạng miền Nam.

Ngày 20/10/1959 Ban Bí thư ra chỉ thị cho Đảng bộ Nam Bộ phải tích cực bảo vệ và mở rộng căn cứ tiếp

giáp với vùng Tây Nguyên, Trung Bộ nhằm xây dựng một căn cứ rộng lớn lâu dài cho phong trào cách mạng miền Nam. Trong xây dựng căn cứ, cần chú ý vào một số công tác quan trọng như vận động đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng kinh tế tự túc. Hướng xây dựng căn cứ là mở rộng và nối liền các căn cứ của các khu với nhau. Chú ý xây dựng căn cứ ở khu vực Biên Hòa tiếp giáp với Nam Tây Nguyên, vùng rừng núi Bà Rịa tiếp giáp với Rừng Sác, Bắc Thủ Dầu Một và Bắc Tây Ninh, căn cứ ở Trung và Tây Nam Bộ, bố trí đường giao thông liên lạc với căn cứ miền Đông. Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Nam Bộ và đảng bộ địa phương, hệ thống căn cứ địa Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ lần lượt được tái lập và mở rộng.

Tại miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, đến năm 1956, tại các căn cứ địa, các đơn vị lực lượng vũ trang được hình thành. Tỉnh ủy Tây Ninh thành lập Đại đội 25 mang danh “Cao Đài ly khai” rồi phân tán thành từng nhóm nhỏ hoạt động từ Sóc Thiệt qua Dương Minh Châu. Một tổ vũ trang mạnh được điều lên hoạt động vùng biên giới Việt Nam - Campuchia để bảo vệ căn cứ khu B của Xứ ủy. Tại Rừng Sác, Tỉnh ủy Biên Hòa lập đơn vị vũ trang mang tên “Đại đội Bình Xuyên số 12” làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ, chiến đấu, đưa đón cán bộ.

Từ năm 1957, Xứ ủy chỉ đạo xây dựng hai vùng căn cứ lớn: vùng căn cứ Tây Bắc gồm căn cứ Dương Minh Châu cũ và rừng núi tỉnh Tây Ninh (chiến khu B) và vùng căn cứ Đông Bắc gồm Chiến khu Đ cũ được mở rộng lên giáp biên giới Việt Nam - Campuchia (chiến khu A). Nhiều cán bộ, chiến sĩ được tăng cường cho miền Đông. Đại đội 250 - đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên ở vùng Đông Bắc miền Đông Nam Bộ ra đời. Trong lúc địch mở các cuộc càn quét lớn, từ các căn cứ lực lượng vũ trang kết hợp với các địa phương tấn công, tuyên truyền, kêu gọi nhân dân xây dựng căn cứ. Tháng 12/1957 đánh tan một tiểu đoàn khi chúng càn quét vào chiến khu Đ.

Tháng 11 và 12/1959 để phát triển cách mạng ở thành phố, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định cho nổi dậy và củng cố 4 xã giải phóng (Nhuận Đức, An Nhơn Tây, Phú Hòa Đông, Phú Mỹ Hưng) làm căn cứ của khu và nối với các căn cứ du kích bằng hệ thống địa đạo và các đường dây giao liên bao quanh đồn bốt địch theo thể cài răng lược. Đến cuối năm 1960, vùng căn cứ kháng chiến Củ Chi được hình thành và mở rộng từ căn cứ Hồ Bò - Tân Thành - Bến Súc đến Trung An - Bình Mỹ - Thái Mỹ.

Đến năm 1960, căn cứ phía Đông Bắc đã mở rộng lên phía Bắc, phía biên giới (Vùng Bình Phước), ra tận biên giới miền Trung là vùng trước đây bộ đội ta chưa đặt chân tới, tạo cơ sở để sau này nối được hành lang liên lạc tới Tây Nguyên. Mở rộng thêm căn cứ phía Tây bắc (Tây Ninh), chuẩn bị căn cứ cho Xứ ủy. Việc tăng gia sản xuất được tiến hành khẩn trương và tích cực, thành lập được nhiều trại nông binh. Căn cứ ở miền Đông Nam Bộ trở thành trung tâm của chiến đấu vũ trang, trong đó chiến khu Đ là căn cứ chủ yếu.

Ở miền Trung Nam Bộ, đến năm 1956, căn cứ địa được chọn là nơi đứng chân của lực lượng vũ trang khi Liên tỉnh ủy miền Trung chủ trương tổ chức lực lượng vũ trang dưới nhiều hình thức. Từ tháng 7/1956, Diệm mở các cuộc hành quân càn quét vào các vùng kháng chiến cũ ở các tỉnh Đồng Tháp Mười, Bến Tre, ta đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, qua đó củng cố và mở rộng được căn cứ địa ở: Ba Thu, Vườn Thơm, Bà Vực, Cần Giuộc, Cần Đước, Bến Lức (Long An), Gò Gòn, Bình Phong Thạnh, Bình Hòa (Kiến Tường),... Sang năm 1958, căn cứ cách mạng ở Đồng Tháp Mười vẫn được giữ vững, nhiều cơ sở ẩn ở của cơ quan, cán bộ phát triển ra ven các trục giao thông, vùng yếu.

Tại miền Tây Nam Bộ, tháng 11/1957 hai đại đội giải phóng quân - những đơn vị chủ lực đầu tiên ở miền Tây Nam Bộ hoạt động dưới danh nghĩa Quân lực liên minh Cao Đài - Hòa Hảo chống Mỹ - Diệm bắt đầu các hoạt động trấn áp bọn phản động, ác ôn. Từ năm 1958, Mỹ - Diệm tăng cường khủng bố, nhân dân và lực lượng cách mạng tiến sâu vào rừng U Minh hạ, dồn lại nhiều "túi bất hợp pháp" gọi là "làng rừng". Có làng lên tới vài ngàn người, trong làng có đội vũ trang có súng, song phần lớn là mã tấu. 15 làng rừng chính thức (được tổ chức tương đối hoàn chỉnh về quy mô, hoạt động, bộ máy hành chính) cùng với hàng chục làng khác trong các lùm, kéo dài từ U Minh xuống tận Năm Căn. Nhân dân phá rừng làm rẫy, ổn định cuộc sống và giữ mối liên hệ mật thiết với bên ngoài tạo thành căn cứ cho 2 vạn dân và 300 cán bộ du kích từ khắp nơi tìm về hoạt động. Trong các căn cứ miền Tây, các công binh xưởng được xây dựng trong đó có Xưởng vũ khí Cà Mau, Xưởng quân giới U Minh. Thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 15, Liên tỉnh ủy miền Tây phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa, từ đó phá được thế chia cắt, mở rộng căn cứ. Đến cuối năm 1959, ta đã có được hệ thống căn cứ nối liền ở miền Tây Nam Bộ, khôi phục lại thế liên hoàn giữa U Minh Thượng và U Minh Hạ.

3. Kết luận

Như vậy, quá trình tái lập, củng cố căn cứ địa ở Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ diễn ra từng bước, có lúc còn chậm so với yêu cầu nhưng căn cứ địa ở Nam Bộ và

cực Nam Trung Bộ trong giai đoạn này đã đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì hoạt động của cơ quan đầu não kháng chiến, tái lập lực lượng vũ trang... làm phá sản chính sách "tố cộng", "diệt cộng" của Mỹ - Diệm, đánh bại các biện pháp độc tài phát xít nhất của chúng, chuyển cách mạng miền Nam sang thế tiến công, phát triển "Đồng Khởi" trên toàn miền Nam. Mạng lưới căn cứ địa cách mạng rộng lớn đã hình thành nối liền từ rừng núi cực Nam Trung Bộ tới đồng bằng Nam Bộ, bắt đầu được củng cố, phát triển về thực lực chính trị, vũ trang, kinh tế, tài chính,... Bên cạnh việc tái lập hệ thống căn cứ địa từ kháng chiến chống Pháp, các hình thức căn cứ địa mới đã được ra đời như hệ thống địa đạo, các làng rừng, làng chiến đấu,... Quá trình xây dựng và phát triển căn cứ địa giai đoạn này đã góp phần vào việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cho cách mạng miền Nam chuyển từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang chống Mỹ-Diệm. ○

Tài liệu tham khảo

- [1]. Viện lịch sử quân sự Việt Nam (1991), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.6.
- [2]. Quân đội nhân dân Việt Nam, Ban Tổng kết chiến tranh B2, *Đề cương tỉ mỉ Báo cáo tổng kết kinh nghiệm cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường Nam Bộ và Cực Nam Trung Bộ*, 1979, VL.1232, tr.4.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đảng toàn tập, tập 15 (1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.155, 308.
- [4]. Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Tây Nam Bộ Kháng chiến (2010), *Lịch sử Tây Nam Bộ Kháng chiến*, tập 2 (1955 - 1969), tr.81.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện đảng toàn tập, tập 17 (1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.228.
- [6]. Trần Hải Phụng, Lưu Phương Thanh (1994), *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr. 298.
- [7]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Viện lịch sử Đảng (2002), *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục Miền Nam 1954-1975*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.204.
- [8]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Viện lịch sử Đảng (2002), *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục Miền Nam 1954-1975*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.206.

THE PROCESS OF RE-ESTABLISHING THE REVOLUTIONARY BASE ON THE B2 BATTLEFIELD DURING THE RESISTANCE WAR AGAINST THE US, SAVING THE COUNTRY IN THE PERIOD OF 1954 - 1960

Tran Thi Huyen

Vietnam Aviation Academy - Email: huyentt@vaa.edu.vn

Abstract: *Inheriting the achievements and experiences in building the bases during the resistance war against the France from 1945 to 1954, moving into the years 1954 to 1960, the base on the B2 battlefield was gradually restored, re-established and developed as a foothold, building up potential in all aspects, becoming a local rear, contributing to changing the situation of the resistance war against the US to save the country.*

Keywords: *Base, B2 battlefield, anti-American resistance, national salvation.*